Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 0106.11.00

Mã HS	0106.11.00
Mô tả hàng hóa	Động vật sống khác / - Động vật có vú: / - - Bộ động vật linh trưởng
Đơn vị	kg/con
Thời điểm tạo	03/11/2026 19:45:24
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/01061100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K87
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N87
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q87
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E82
ATIGA	2022	2022	0	AT!E83
ATIGA	2023	2023	0	AT!F83
ATIGA	2024	2024	0	AT!G83
ATIGA	2025	2025	0	AT!H83
ATIGA	2026	2026	0	AT!I83
ATIGA	2027	2027	0	AT!J83
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E85
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F85

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G85
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H85
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I85
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J85
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E83
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F83
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G83
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H83
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I83
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J83
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F83
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H82
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F85
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G85
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H85
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I85
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J85
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K85
VKFTA	2022	2022	0	VK!E83
VKFTA	2023	2023	0	VK!F83
VKFTA	2024	2024	0	VK!G83
VKFTA	2025	2025	0	VK!H83
VKFTA	2026	2026	0	VK!I83
VKFTA	2027	2027	0	VK!J83
VCFTA	2022	2022	0	VC!D84
VCFTA	2023	2023	0	VC!E84

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F84
VCFTA	2025	2025	0	VC!G84
VCFTA	2026	2026	0	VC!H84
VCFTA	2027	2027	0	VC!I84
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D85
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E85
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F85
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G85
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H85
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I85
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D83
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E83
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F83
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G83
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H83
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I83
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D82
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E82
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F82
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G82
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H82
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I82
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D84
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E84
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F84
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G84

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H84
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I84
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D84
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E84
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F84
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G84
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H84
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I84
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J84
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D83
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E83
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F83
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G83
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H83
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I83
RCEP B	2022	2022	0	B!D83
RCEP B	2023	2023	0	B!E83
RCEP B	2024	2024	0	B!F83
RCEP B	2025	2025	0	B!G83
RCEP B	2026	2026	0	B!H83
RCEP B	2027	2027	0	B!I83
RCEP C	2022	2022	0	C!D83
RCEP C	2023	2023	0	C!E83
RCEP C	2024	2024	0	C!F83
RCEP C	2025	2025	0	C!G83
RCEP C	2026	2026	0	C!H83

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I83
RCEP D	2022	2022	0	D!D83
RCEP D	2023	2023	0	D!E83
RCEP D	2024	2024	0	D!F83
RCEP D	2025	2025	0	D!G83
RCEP D	2026	2026	0	D!H83
RCEP D	2027	2027	0	D!I83
RCEP E	2022	2022	0	E!D83
RCEP E	2023	2023	0	E!E83
RCEP E	2024	2024	0	E!F83
RCEP E	2025	2025	0	E!G83
RCEP E	2026	2026	0	E!H83
RCEP E	2027	2027	0	E!I83
RCEP F	2022	2022	0	F!D83
RCEP F	2023	2023	0	F!E83
RCEP F	2024	2024	0	F!F83
RCEP F	2025	2025	0	F!G83
RCEP F	2026	2026	0	F!H83
RCEP F	2027	2027	0	F!I83
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F76
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G76
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H76
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I76

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)		17/2023/TT-BNNPTNT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0106.11.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 0106.11.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N87), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)
Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.